

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 65/2020/HSST

Ngày: 16/6/2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
+ Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2020 đối với:

- Bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Xuân S, sinh năm: 1991, tại Đồng Nai; Nơi ĐKKHKT: ấp S, xã C, huyện L, tỉnh Đ; Chỗ ở: ấp S, xã C, huyện L, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm: 1960; Con bà Mai Thị Q, sinh năm: 1966; Hiện cư trú tại: ấp S, xã C, huyện L, tỉnh Đ. Gia đình có 07 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1997, bị cáo là con thứ tư trong gia đình;

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt ngày 05/10/2018.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: ông Lê Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 54 đường N, Phường 9, thành phố Đ, L.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH Dịch vụ ô tô P

Đại diện theo pháp luật: chị Nguyễn Trần Mỹ C, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: D3 khu phố 4, Phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh Trương Ngọc T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp 2B, xã X, huyện X, tỉnh Đ.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân S là đối tượng lao động tự do, vào khoảng thời gian đầu tháng 07/2017 Sang thường xuyên thuê xe ô tô tại tỉnh Đồng Nai để lên thành phố Đà Lạt chơi và quen biết với ông Lê Văn T sinh năm 1974, trú tại số 54 Ngô Văn Sở, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, trong những lần này anh Tá và một số bạn bè hỏi Sang đi xe của ai thì Sang đều trả lời là xe của Sang.

Khoảng đầu tháng 11/2017, Nguyễn Xuân S thuê xe ô tô biển số 60A-017.22 của chị Đoàn Thị Chung, sinh năm 1974, địa chỉ: phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đi lên thành phố Đà Lạt. Vào ngày 04/11/2017 Sang điều khiển xe ô tô biển số 60A-017.22 tới nhà ông Lê Văn T, mặc dù bản thân Sang không đi buôn gỗ nhưng đã nói với ông Tá là cần tiền đi buôn gỗ và hỏi mượn số tiền 130.000.000^d (*Một trăm ba mươi triệu đồng*), để tạo lòng tin Sang đề nghị để lại chiếc xe ô tô biển số 60A-017.22 tại nhà ông Tá và ông Tá đồng ý cho Sang mượn số tiền 130.000.000^d (*Một trăm ba mươi triệu đồng*), thời hạn mượn đến ngày 20/11/2017. Sau đó Sang tiếp tục đến nhà ông Tá và nói dối “*xe đi gỗ bị kiểm lâm bắt*” nên hỏi mượn thêm ông Tá số tiền 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*) thì ông Tá đồng ý. Toàn bộ số tiền 160.000.000^d (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) Sang sử dụng để tiêu xài cá nhân, đầu tư quán cà phê tại thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà hết.

Đến ngày 20/11/2017 ông Lê Văn T liên tiếp đòi tiền nhưng Sang khát lần không trả, cũng trong thời gian này chị Đoàn Thị Chung yêu cầu Sang trả lại xe ô tô biển số 60A-017.22, lúc này chưa có tiền trả lại cho ông Tá nên Sang tìm cách xoay sở tiền trả cho ông Tá để lấy chiếc xe của chị Chung ra trả cho chị Chung.

Ngày 21/11/2017 Sang gọi điện thoại cho Trương Ngọc T sinh năm 1993, trú tại Ấp 2B, xã X, huyện X, tỉnh Đ nói Tú thuê xe ô tô lên huyện Lâm Hà chơi và Sang giới thiệu việc làm cho Tú. Khoảng 19 giờ ngày 21/11/2017, Trương Ngọc T đến Công ty TNHH Dịch vụ ô tô Pđịa chỉ tại phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai gặp chị Nguyễn Trần Mỹ C, sinh năm 1981, là giám đốc Công ty và anh Lê Thanh Hào, sinh năm 1974, là chồng chị Châu để thuê một xe ô tô 05 chỗ ngồi và được chị Châu đồng ý. Tú và chị Châu ký hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái, hợp đồng có nội dung: Tú thuê của Công ty TNHH

Dịch vụ Phúc An Khang xe ô tô biển số 60A-196.21, giá thuê xe 1.000.000đ/ngày, thời gian thuê xe 05 ngày (từ ngày 21/11/2017 đến ngày 26/11/2017), Tú đặt cọc số tiền 10.000.000^d (*Mười triệu đồng*). Ký kết xong hợp đồng, chị Châu giao xe ô tô biển số 60A-196.21 cho Trương Ngọc T.

Sau khi thuê được xe, Tú chạy xe chở Nguyễn Văn Tới (không xác định được lai lịch cụ thể) và Thân Võ Thị Lý (bạn gái của Sang), đi lên thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà gặp Nguyễn Xuân S.

Đến sáng ngày 22/11/2017, Sang hỏi mượn Tú xe ô tô biển số 60A-196.21, Sang nói đi Phan Thiết giải quyết công việc, thực tế Sang lái xe ô tô biển số 60A-196.21 lên Đà Lạt liên hệ vay tiền để trả cho ông Lê Văn T nhưng không vay được tiền.

Ngày 26/11/2017, chị Châu và anh Hào gọi điện thoại cho Trương Ngọc T thông báo đã hết thời hạn thuê xe, yêu cầu Tú mang xe về trả. Tú gọi điện thoại cho Sang thì Sang nói Tú gọi điện thoại lại cho công ty đề nghị thuê xe thêm một vài ngày, Tú đã thực hiện theo đề nghị này của Sang và được chị Châu đồng ý. Do trong khoảng thời gian này Nguyễn Xuân S không mượn được tiền trả nợ cho ông Lê Văn T để lấy xe ô tô biển số 60A-017.22 ra trả cho chị Đoàn Thị Chung nên Sang đã chủ động hẹn gặp ông Lê Văn T tại quán cà phê Bích Câu đối diện vườn hoa thành phố Đà Lạt. Tại đây Sang đề nghị cho Sang đổi xe ô tô 60A-196.21 để lấy xe ô tô 60A-017.22 và được ông Tá đồng ý. Sau khi lấy được xe ô tô 60A-017.22 ra thì Nguyễn Xuân S đã trả lại xe cho chị Đoàn Thị Chung.

Đến ngày 28/11/2017, chị Châu và anh Hào tiếp tục gọi điện thoại cho Tú nhưng Tú không nghe máy và Tú cũng nhiều lần gọi điện thoại cho Sang để hỏi xe nhưng Sang cũng không nghe máy. Ngày hôm sau, Sang gặp Tú tại thị trấn Liên Nghĩa, Đức Trọng, Sang nói với Tú là xe ô tô biển số 60A -196.21 bạn của Sang đã mượn và chưa trả, lúc này Trương Ngọc T nhờ anh Lê Thanh Hào định vị xe thì phát hiện xe ở huyện Lâm Hà. Ngày 30/11/2017 anh Lê Thanh Hào lên gặp Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1973, trú tại thôn Liên Trung, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà là người đang sử dụng chiếc xe thì được anh Hùng cho biết mượn xe của ông Lê Văn T. Sau đó anh Hào cùng anh Hùng lên gặp ông Lê Văn T, ông Tá gọi điện thoại cho Nguyễn Xuân S về để giải quyết nhưng Nguyễn Xuân S đã tắt điện thoại bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 05/10/2018 Nguyễn Xuân S đến Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Hà đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 14/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố Nguyễn Xuân S về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo Khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại bản án số 02/2019/HSST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tuyên bố: bị cáo Nguyễn Xuân S phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Khoản 4 Điều 175; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Xuân S 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2018.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 359/2019/HS-PT ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, quyết định: Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 02/2019/HSST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Xuân S.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng để giải quyết lại vụ án từ giai đoạn điều tra.

Ngày 01/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng có Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01 từ tội: *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản* quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sang tội: *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015;

Ngày 01/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng có Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can số 14 đối với: Nguyễn Xuân S từ tội: *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản* quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sang tội: *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015;

Ngày 02/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Quyết định chuyển vụ án hình sự số 06 về việc chuyển vụ án: *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* tới Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 28/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố Nguyễn Xuân S về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c Khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe 60A-196.21 và trả lại chị Nguyễn Trần Mỹ C là chủ sở hữu. Chị Châu không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Xuân S.

Về trách nhiệm dân sự: Hiện nay bị cáo Nguyễn Xuân S đã trả lại cho ông Lê Văn T số tiền 110.000.000^d (Một trăm mười triệu đồng), ông Tá tiếp tục yêu cầu bị cáo Sang trả số tiền 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng).

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, đã khắc phục một phần hậu quả nên đề nghị áp dụng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Xuân S không khiêu nại bản cáo trạng và khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Xuân S và đề nghị về hình phạt:

- Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; các Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân S mức hình phạt tù 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2018;

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo phải trả cho ông Lê Văn T số tiền 50.000.000 đồng;

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Người bị hại là ông Lê Văn T yêu cầu bị cáo phải trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng và có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: bị cáo đã ăn năn hối lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người liên quan không có ý kiến hay khiêu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rất rõ việc dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Lợi dụng mối quan hệ quen biết với ông Lê Văn T, bị cáo đã dùng thủ đoạn thuê xe ô tô làm phương tiện đi lại nhưng nói với ông Tá là xe của mình để tạo sự tin tưởng. Ngày 04/11/2017, Sang đã dùng lời nói gian dối là cần tiền đi buôn gỗ để mượn của ông Tá số tiền 160.000.000^d (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*). Để tạo lòng tin Nguyễn Xuân S đã để lại xe ô tô biển số 60A-196.21 là xe Sang mượn của Trương Ngọc T. Sau khi mượn được tiền của ông Lê Văn T thì Sang đã sử dụng tiêu xài cá nhân, đầu tư quán cà phê dẫn đến không có khả năng trả nợ. Sau đó, Nguyễn Xuân S đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền 160.000.000^d của ông Tá. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội,

bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách có dự tính từ trước, xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Xuân S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được qui định tại điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của ông Lê Văn T số tiền 160.000.000^d (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*). Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo với tình tiết định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Khi quyết định hình phạt có xem xét bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo đã khắc phục phần lớn hậu quả do bị cáo gây ra, bị cáo được người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Nguyễn Xuân S đã trả cho ông Lê Văn T số tiền 110.000.000^d (*Một trăm mười triệu đồng*), ông Tá yêu cầu bị cáo phải tiếp tục trả cho ông số tiền 50.000.000^d (*Năm mươi triệu đồng*) còn lại nên buộc bị cáo phải trả cho ông Tá số tiền trên.

Người liên quan là chị Nguyễn Trần Mỹ C, đã nhận số tiền 20.000.000^d (*Hai mươi triệu đồng*) do gia đình bị cáo bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người liên quan là anh Trương Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa, trong hồ sơ vụ án thể hiện anh Tú không có yêu cầu gì nên không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; các điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Xuân S 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2018.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc: Bị cáo Nguyễn Xuân S phải trả cho ông Lê Văn T số tiền 50.000.000^d (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân S phải nộp 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000^d (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Người liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an thành phố Đà Lạt;
- Chi cục Thi hành án thành phố Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi thi hành án phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Chu Văn Bình